TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2020.
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 62/2020/TB-TA ngày 14/8/2020 và thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 63/2020/TB-TA ngày 31/8/2020 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Kiều O, sinh ngày 11/8/1994.**

HKTT: Thôn Song Động, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ liên hệ: Số 365 N, phường N, thành phố Hải Dương.

- Bị đơn: **Anh Lê Văn Qu, sinh ngày 03/02/1988**.

HKTT: Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1959; HKTT: Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

(Chị O và bà M có đơn xin xử vắng mặt, anh Qu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Đỗ Kiều O trình bầy: Chị và anh Lê Văn Qu được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng kí hết hôn ngày 07/5/2012 tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết

hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng ở Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Đến cuối năm 2014, anh Qu đi xuất khẩu lao động ở Angola đến đầu năm 2015, đến giữa năm 2015 anh Qu tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tết Nguyên Đán năm 2020 anh Qu có về nhưng chỉ ở có ít ngày là anh Qu lại tiếp tục đi Đài Loan. Trong thời gian chị ở nhà thì anh Qu không quan tâm hay có trách nhiệm gì với mẹ con chị. Anh chị không tìm được tiếng nói chung, do xa cách nên càng ngày càng ít nói chuyện với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó đến tháng 8/2016 chị đã đưa con trai Lê Tấn D về nhà mẹ đẻ của chị để sinh sống, nhưng sau đó đến ngày 30/12/2016 mẹ chồng và em trai chồng chị đã đến đón cháu về. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với ông bà nội. Chị nhận thấy cuộc hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Qu.

Hiện nay anh Lê Văn Qu đang lao động bên Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể của anh Qu bên đó như thế nào chị không nắm được, chị được biết anh Qu vẫn liên lạc điện thoại về nhà cho bố mẹ và anh Qu cũng biết việc chị nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Tuấn Kh, sinh ngày 26/02/2013 và Lê Tấn D, sinh ngày 25/4/2014. Hiện cả hai cháu đều đang ở với ông bà nội. Trong đơn khởi kiện chị có nguyện vọng được nuôi hai con không yêu cầu anh Qu phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Sau đó chị đã thay đổi chị đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho anh Qu nuôi dưỡng và ông bà nội có trách nhiệm chăm sóc cháu khi anh Qu lao động tại nước ngoài. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Qu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị O không cung cấp được địa chỉ của anh Lê Văn Qu tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M mẹ đẻ anh Qu, bà M xác nhận anh Qu vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ của anh Quang ở Đài Loan và yêu cầu anh Qu gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O, nhưng bà M không cung cấp được địa chỉ của anh Qu, anh Qu cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Mầu, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà M xác định đã thông tin cho anh Qu biết, anh Qu có ý kiến với gia đình bà:

Nhất trí ly hôn với chị O; về con chung: Anh Qu đề nghị được nuôi cả 2 con chung Lê Tuấn Kh và Lê Tấn D và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian anh Qu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì ủy quyền cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu, khi nào anh Qu về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu. Bà M đồng ý ủy quyền của anh Qu thay mặt anh Qu chăm sóc 2 cháu đến khi anh Qu về Việt Nam; về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán.

- Về thụ lý vụ án: Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thu thập chứng cứ: Viêc giao nộp thu thập chứng cứ được thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 96, 97, 98 BLTTDS năm 2015.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian xét xử chưa đảm bảo quy định về thời hạn giải quyết vụ án (chưa đủ 9 tháng). Thời hạn giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo đúng quy định.

- Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho VKS và cấp, tống đạt cho đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS năm 2015. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

* Việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa có mặt đầy đủ, đúng thành phần; trình tự bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đúng theo quy định tại các Điều từ 239 – 263 của BLTTDS.

* Về hướng giải quyết vụ án:

Ngày 04/5/2020 TAND tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án, ngày 29/7/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 13/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 13/8/2020 ấn định thời gian mở lại phiên toàn vào ngày 28/8/2020. Như vậy, kể từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử vụ án mới thụ lý được 2 tháng 22 ngày, chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS năm 2015: *"… phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án…"*.

Vì vậy, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu Tòa án tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của anh Quang tại nước ngoài đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Nếu Tòa án vẫn tiếp tục xét xử thì Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị O không cung cấp được địa chỉ của anh Qu tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh Qu cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Qu biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị O, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Qu vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O, anh Qu và bà M.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Kiều O và anh Lê Văn Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/5/2012, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, do anh Qu đi lao động ở nước ngoài vợ chồng xa cách nên ít quan tâm đến nhau. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Qu. Về phía anh Qu cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị O. Anh Qu cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 2 con chung là Lê Tuấn Kh, sinh ngày 26/02/2013 và Lê Tấn D, sinh ngày 25/4/2014. Hiện cả hai con đều đang ở với bố mẹ đẻ anh Qu. Khi ly hôn chị O đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho anh Qu nuôi dưỡng và ông bà nội có trách nhiệm chăm sóc cháu khi anh Qu lao động tại nước ngoài. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Quang. Anh Qu đề nghị được nuôi cả 2 con chung Lê Tuấn Khang và Lê Tấn D, trong thời gian anh Qu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con đến khi anh Qu về

Việt Nam và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh, bà M đồng ý, mặt khác cháu Kh cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Qu, chấp nhận sự tự nguyện của anh Qu không yêu cầu chị O không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3].Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Kiều O được ly hôn với anh Lê Văn Qu.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Tuấn Kh, sinh ngày 26/02/2013 và Lê Tấn D, sinh ngày 25/4/2014 cho anh Quang nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Qu tự nguyện không yêu cầu chị O phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng với anh;

Tạm giao cháu Lê Tuấn Kh và Lê Tấn D cho bà Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Qu về Việt Nam.

Chị O được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002110 ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Đỗ Kiều O đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Kiều O, bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn Qu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện